

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 567/2021/HS-ST
Ngày: 28/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đậu Thị Mỹ Long – Hiệu trưởng Trường THCS An Hòa.

- Ông Nguyễn Văn Năm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 218/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021; các Thông báo về việc dời lịch xét xử vụ án hình sự số: 959/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021, số: 982/TB-TA ngày 13 tháng 8 năm 2021, số: 1005/TB-TA ngày 10 tháng 9 năm 2021 và số: 1053/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2021; các Quyết định hoãn phiên tòa số: 890/2021/QĐHPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021, số: 1154/2021/QĐHPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 và số: 1267/2021/QĐHPT-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24/10/2004; nơi sinh: ĐN; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: không rõ; Mẹ: Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1979 (còn sống); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Lê S (tên gọi khác: T1), sinh ngày 09/5/2004; nơi sinh: Cà Mau; giới tính: Nam; nơi ĐKHKTT: ấp 8, xã KT, huyện UM, tỉnh CM; nơi cư trú: 104B Tổ 1B, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1980 (còn sống); Mẹ: Hồ Thị H1, sinh năm 1986 (còn sống); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh ĐN

về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Lệnh tạm giam số: 261/LTG-KTMT ngày 26/11/2021 của Công an huyện TB, tỉnh ĐN; bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Phạm Minh T (tên gọi khác: N), sinh ngày 12/12/2006; nơi sinh: Sóc Trăng; nơi ĐKKHTT: ấp Phước Thới B, xã MP, huyện MT, tỉnh ST; nơi cư trú: Tổ 39B, khu phố 4, phường BD, thành phố BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Cha: Phạm Văn T3, sinh năm 1984 (còn sống); Mẹ: Dương Thị N1, sinh năm 1984 (còn sống); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Minh H: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1988; địa chỉ: 117 tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê S: Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: 104B tổ 1B, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh T: Bà Dương Thị N1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 16, tổ 39B, khu phố 4, phường BD, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh H: Ông Lê Quang V, sinh năm 1963, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Lê S và Phạm Minh T: Ông Nguyễn Doãn Nh, sinh năm 1970, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

* *Bị hại*: Ông Mai Xuân Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: E436 Khu phố 5, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: Khu phố Đ, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: 33A, tổ 10, khu phố 5, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Trần Gia H3, sinh ngày 13/01/2007; địa chỉ: tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Trần Gia H3: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1986; địa chỉ: 117 tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Gia H3: Ông Lê Quang V, sinh năm 1963, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh Hưng, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T là bạn bè với nhau. Vào ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại nhà của H, địa chỉ: tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN thì H rủ S, T và Trần Gia H3, sinh ngày 13/01/2007, ngụ tại địa chỉ trên là em ruột của H đi trộm cắp thì tất cả đều đồng ý. Thực hiện ý định trên, đến khoảng 03 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô hiệu SYM (không rõ biển số) chở S, còn H3 điều khiển xe mô tô hiệu Mio biển số 55X7-8487 chở T đi đến khu vực phường LB, thành phố BH tìm sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để trộm cắp nhưng

không trộm được tài sản gì nên H rủ S, T và H3 đi cướp giật tài sản thì tất cả cùng đồng ý, sau đó H, S, T và H3 điều khiển xe đi rẽ vào đường hẻm đoạn trước nhà số E436, khu phố 5, phường LB thì phát hiện ông Mai Xuân Đ, sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú tại thôn 2, xã SP, huyện K, tỉnh GL, đang cầm trên tay chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh ngồi trước bậc thềm nhà sát lề đường, H liền điều khiển xe chạy đi phía trước, còn H3 điều khiển xe chạy áp sát vị trí anh Đ ngồi để cho T (đang ngồi sau xe) dùng tay giật lấy chiếc điện thoại trên của anh Đ rồi tất cả điều khiển xe chạy tẩu thoát. Sau đó, H và S mang chiếc điện thoại trên đến tiệm điện thoại “Trung Nguyên” tại địa chỉ 33A, tổ 10, khu phố 5, phường AB, thành phố BH của ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1982, ngụ tại khu phố Đ, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN để mở mặt khẩu và bán cho anh H2 được số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). H chia cho S, T và H3 mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), còn lại 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) H giữ và tiêu xài hết. Sau khi bị mất điện thoại, anh Đ dùng điện thoại khác nhắn tin vào số điện thoại bị mất để xin chuộc lại sim thì được S liên hệ lại, đồng ý cho chuộc và hẹn gặp tại khu vực bồn nước thuộc phường BD nên anh Đ đã trình báo Công an phường BD làm việc, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc điện di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh do ông Nguyễn Đình H2 giao nộp và 01 sim điện thoại số thuê bao 0369520894 thu giữ của bị cáo S, là các tài sản của ông Mai Xuân Đ nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A12 thu giữ của bị cáo S, là tài sản của ông Trần Hữu C, sinh năm 2000, ngụ tại ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh AG cho bị cáo S mượn để sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông C.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Airbalade biển số 60C1-830.84, thu giữ của bị cáo S, đã sử dụng vào việc phạm tội, là tài sản của bà Hồ Thị H1, sinh năm 1986, ngụ tại ấp 8, xã KT, huyện UM, tỉnh CM, là mẹ ruột của bị cáo S, bà H1 cho bị cáo S mượn xe để sử dụng và không biết việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà Hiền.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Mio biển số 55X7-8487 thu giữ của đối tượng Trần Gia H3, đã sử dụng vào việc phạm tội, là tài sản của ông Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1991, ngụ tại 53/4, khu phố LĐ, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN, ông T4 cho đối tượng H3 mượn xe để sử dụng và không biết việc H3 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông T4.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 406/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 60%, trị giá 2.934.000đ (Hai triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng)”.

Về dân sự:

- Người bị hại ông Mai Xuân Đ đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H2 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Cáo trạng số: 243/CT-VKSBH ngày 06/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 (áp dụng đối với bị cáo H); Điều 58; các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Trần Minh H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê S mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Minh T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Bị hại là ông Mai Xuân Đ đã nhận chiếc điện di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh và 01 sim điện thoại số thuê bao 0369520894 nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về dân sự:

- Bị hại là ông Mai Xuân Đ đã nhận lại tài sản là 01 điện di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh và 01 sim điện thoại số thuê bao 0369520894, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

- Buộc bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T và đại diện hợp pháp cho các bị cáo H, S và T phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đình H2 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Do các bị cáo đã nộp trước số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai số: 003138 ngày 22/6/2021 để đảm bảo thi hành án cho ông H2 nên số tiền trên sẽ được đảm bảo để thi hành án cho ông H2 theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

* Ông Lê Quang V là người bào chữa cho bị cáo Trần Minh H, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Gia H3 tại phiên tòa cho rằng: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với bị cáo Trần Minh H. Tuy nhiên, bị cáo H tại phiên tòa hôm nay cũng như tại Cơ quan điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; Gia đình bị cáo lâm vào tình cảnh hết sức khó khăn, cha dựng tên Trần Văn T2 thì đang chấp hành án tại Trại

giam của bộ, mẹ ruột Trần Thị Ngọc M thì đang bị tạm giam do phạm tội, bị cáo phải một mình chăm sóc 03 đứa em còn nhỏ dại; các bị cáo H, T và S đã nộp trước số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Đình H2; bị cáo H không phạm vào tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự vì bị cáo là người chưa thành niên. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 90, 91, 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo. Đồng thời, khi phạm tội, bị cáo H chưa đủ 16 tuổi, là trẻ em theo Luật trẻ em nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đối với anh Trần Gia H3, do các bị cáo H, S và T đã nộp trước số tiền 1.500.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Đình H2, anh H3 phạm tội nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên đề nghị HĐXX không buộc anh H3 và người đại diện hợp pháp cho anh H3 phải liên đới cùng các bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông H2.

* Ông Nguyễn Doãn Nh là người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Lê S và Phạm Minh T tại phiên tòa cho rằng: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Lê S và Phạm Minh T. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo S có tại hồ sơ, bị cáo T tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; các bị cáo H, T và S đã nộp trước số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Đình Hoàng. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 90, 91, 101 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S mức thấp nhất; áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo. Đồng thời, khi phạm tội, các bị cáo T và S chưa đủ 16 tuổi, là trẻ em theo Luật trẻ em, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho các bị cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Minh H và Phạm Minh T, anh H3 và người đại diện hợp pháp cho bị cáo H, anh Trần Gia H3 là bà Trần Thị Ngọc L; bị cáo T là bà Dương Thị N1 tại phiên tòa thống nhất với bào chữa của ông Lê Quang V và ông Nguyễn Doãn Nh, không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Trần Minh H và Phạm Minh T tại phiên tòa kính xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức thấp nhất để sớm trở về với gia đình; Đối với bị cáo Nguyễn Lê S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt có tại hồ sơ, bị cáo S kính xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về xác định độ tuổi của các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Lê S.

- Đối bị cáo Phạm Minh T:

Theo giấy khai sinh số 220, quyền số II/2012 đăng ký ngày 07/9/2012 (đăng ký quá hạn) của bị cáo Phạm Minh T có tại hồ sơ (Bút lục 113) thì bị cáo T sinh ngày 12/12/2006. Do giấy khai sinh trên đăng ký quá hạn gần 06 năm nên Cơ quan điều tra xác minh thu thập Giấy chứng sinh của bị cáo T tại Trạm y tế xã MP và UBND xã MP, huyện MT, tỉnh ST (Bút lục số 116-117) nhưng không thu thập được Giấy chứng sinh của bị cáo T.

Do Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa không thu thập được chứng cứ Giấy chứng sinh gốc về ngày tháng năm sinh của bị cáo Phạm Minh T theo quy định. Ngày 03/11/2020, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 2644 trưng cầu Trung tâm pháp y Đồng Nai xác định độ tuổi của bị cáo Phạm Minh T, sinh ngày 12/12/2006; nơi sinh: Sóc Trăng; nơi ĐKHKTT: ấp PTB, xã MP, huyện MT, tỉnh ST.

Ngày 09/11/2020, Trung Tâm pháp y Đồng Nai ban hành Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1017/ĐT/2020 kết luận như sau: Qua kết quả khảo sát về hình thể bên ngoài, kết quả khảo sát về xương và khảo sát về răng. Chúng tôi kết luận độ tuổi của Phạm Minh T là 16 tuổi (+/- 06 tháng), kể từ ngày giám định 06/11/2020.

- Đối bị cáo Nguyễn Lê S:

Theo giấy khai sinh số 188, đăng ký ngày 31/7/2012 (đăng ký quá hạn) của bị cáo Nguyễn Lê S có tại hồ sơ (Bút lục 92) thì bị cáo S sinh ngày 09/5/2004. Do giấy khai sinh trên đăng ký quá hạn gần 08 năm nên Cơ quan điều tra xác minh thu thập Giấy chứng sinh của bị cáo tại Trạm y tế xã KT và UBND xã KT, huyện UM, tỉnh CM theo văn bản số: 7845 ngày 24/9/2020 (Bút lục số 96). Theo giấy khai sinh số: 34 ngày 09/5/2004 (đăng ký quá hạn) của bị cáo Nguyễn Lê S có tại hồ sơ (Bút lục 91) của UBND xã KT cung cấp thì bị cáo S sinh ngày 09/5/2004.

Do giấy khai sinh trên đăng ký quá hạn gần 01 năm nên Cơ quan điều tra Công an Thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 2643 trưng cầu Trung tâm pháp y Đồng Nai xác định độ tuổi của bị cáo Nguyễn Lê S, sinh ngày 09/5/2004; nơi sinh: CM; nơi ĐKHKTT: ấp 8, xã KT, huyện UM, tỉnh CM.

Ngày 05/11/2020, Trung Tâm pháp y Đồng Nai ban hành Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1006/ĐT/2020 kết luận như sau: Qua kết quả khảo sát về hình thể bên ngoài, kết quả khảo sát về xương và khảo sát về răng. Chúng tôi kết luận độ tuổi của Nguyễn Lê S là 16 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng), kể từ ngày giám định 04/11/2020.

Như vậy, tính đến ngày phạm tội 26/8/2020, bị cáo đủ tuổi chịu TNHS (đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi) theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo các kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1006/ĐT/2020 ngày 05/11/2020 và số: 1017/ĐT/2020 ngày 09/11/2020 của Trung tâm pháp y Đồng Nai và căn cứ Thông tư liên tịch số: 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về “Phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi”, áp dụng nguyên tắc, quy định có lợi cho các bị cáo thì tính đến thời điểm phạm tội ngày 26/8/2020 thì các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Lê S đã đủ tuổi chịu TNHS (đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi) theo quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Về xét xử vắng mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, đương sự: Bị cáo Nguyễn Lê S, người đại diện hợp pháp cho bị cáo S là bà Hồ Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H2 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/12/2021, ngày 30/11/2021 và ngày 02/6/2021. Xét đơn của bị cáo Nguyễn Lê S, bà Hồ Thị H1 và ông Nguyễn Đình H2 hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ các Điều 290, 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo S, bà H1 và ông H2 tại phiên tòa theo quy định.

[4]. Về xác định người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Gia H3: Theo tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ, lời khai của bà Trần Thị Ngọc L, lời khai bị cáo H, anh H3 tại phiên tòa thì cha đẻ của bị cáo H và anh H3 là Trần Văn T2 hiện đang chấp hành án tại Trại giam của Bộ (không rõ nơi chấp hành án), còn mẹ ruột của bị cáo H và anh H3 là bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1986 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai do phạm tội (không rõ tội danh) là người diện hợp pháp cho bị cáo H và anh H3 nhưng bị hạn chế năng lực hành vi theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1988; địa chỉ: 117 tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN là em ruột của bà Trần Thị Ngọc M và là dì ruột của bị cáo H và anh H3 được xác định là người đại diện hợp pháp cho bị cáo H và anh H3 theo quy định của pháp luật tham gia tố tụng trong vụ án này.

[5]. Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh H, Phạm Minh T, lời khai của bị cáo Nguyễn Lê S có tại hồ sơ, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại nhà của Trần Minh H, địa chỉ: tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN, thì H rủ S, T và Trần Gia H3, sinh ngày 13/01/2007, là em ruột của H, đi trộm cắp thì tất cả cùng đồng ý. Thực hiện ý định trên, đến khoảng 03 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô hiệu SYM (không rõ biển số) chở S, còn H3 điều khiển xe mô tô hiệu Mio biển số 55X7-8487 chở T đi đến khu vực phường LB, thành phố BH tìm sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để trộm cắp nhưng không trộm được tài sản gì nên H rủ S, T và H3 đi cướp giật tài sản thì tất cả cùng đồng ý. Sau đó, H, S, T và H3 điều khiển xe đi rẽ vào đường hẻm đoạn trước nhà số E436, khu phố 5, phường LB, thành phố BH thì phát hiện ông Mai Xuân

Đ, sinh năm 1994, đang cầm trên tay chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh ngòai trước bậc thềm nhà sát lề đường, H liền điều khiển xe chở S chạy đi phía trước một đoạn để cảnh giới, ngăn cản, còn H3 điều khiển xe chạy áp sát vị trí ông Đ ngòai để cho T (đang ngòai sau xe) dùng tay giật lấy chiếc điện thoại trên của ông Đ rồi tất cả điều khiển xe chạy tẩu thoát. Sau đó, Hưng và Sơn mang chiếc điện thoại trên đến tiệm điện thoại “Trung Nguyên” tại địa chỉ 33A, tổ 10, khu phố 5, phường AB, thành phố BH của ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1982, ngụ tại khu phố Đ, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN để mở mặt khẩu và bán cho ông H2 được số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). H chia cho S, T và H3 mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), còn lại 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) H giữ và tiêu xài hết. Theo bản kết luận định giá tài sản số: 406/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 60%, trị giá 2.934.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo đồng phạm giản đơn và nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã sử dụng thủ đoạn nguy hiểm là xe mô tô áp sát đối tượng để cướp giật tài sản và nhanh chóng tẩu thoát, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự trị an nơi xảy ra vụ án. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Trần Minh H: Bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu rủ rê, xúi giục các bị cáo T, S và H3 đi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản. H điều khiển xe mô tô hiệu SYM (không rõ biển số) chở S, còn H3 điều khiển xe mô tô hiệu Mio biển số 55X7-8487 chở Thuận rẽ vào đường hẻm đoạn trước nhà số E436, khu phố 5, phường LB thì phát hiện ông Mai Xuân Đ, sinh năm 1994, đang cầm trên tay chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh ngòai trước bậc thềm nhà sát lề đường, H liền điều khiển xe chạy đi phía trước đứng cách chỗ ông Đ một đoạn mục đích để cảnh giới, ngăn cản khi H3 và T giật được tài sản mà ông Đ đuổi theo để giành lại tài sản. Sau khi T cướp giật được điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh của ông Đ, H đã trực tiếp cùng S mang tài sản cướp giật được đến tiệm điện thoại “Trung Nguyên” tại địa chỉ 33A, tổ 10, khu phố 5, phường AB, thành phố BH do ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1982 làm chủ bán được số tiền 1.500.000đ chia nhau tiêu xài. Hành vi nêu trên của bị cáo cần phải xử phạt mức án nghiêm tương xứng với vai trò và hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện và cao hơn các bị cáo khác.

- Đối với bị cáo Phạm Minh T: Khi bị cáo H rủ bị cáo, Sơn và H3 đi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản thì bị cáo, S và H3 đồng ý. H3 điều khiển xe mô tô hiệu Mio biển số 55X7-8487 chở bị cáo ngòai phía sau xe rẽ vào đường hẻm đoạn trước nhà số E436, khu phố 5, phường LB thì phát hiện ông Mai Xuân Đ, sinh năm 1994, đang cầm trên tay chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh ngòai trước bậc thềm nhà

sát lẻ đường, H3 cho xe áp sát ông Đ và bị cáo là người trực tiếp giật chiếc điện thoại trên của ông Đ, rồi cùng H3, H và S tẩu thoát. Sau khi bán được tài sản phạm tội, H chia cho bị cáo được số tiền 300.000đ tiêu xài. Bị cáo giữ vai trò là người thực hành trong vụ án này nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình đã gây ra nhưng thấp hơn bị cáo H.

- Đối với bị cáo Nguyễn Lê S: Khi bị cáo H rủ bị cáo, T và H3 đi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản thì bị cáo, T và H3 đồng ý. H điều khiển xe mô tô hiệu SYM (không rõ biển số) chở Sơn, còn H3 điều khiển xe mô tô hiệu Mio biển số 55X7-8487 chở T rẽ vào đường hẻm đoạn trước nhà số E436, khu phố 5, phường LB thì phát hiện ông Mai Xuân Đ, sinh năm 1994, đang cầm trên tay chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro màu xanh ngòai trước bậc thềm nhà sát lẻ đường. H chở S đứng cách chỗ ông Đ một đoạn mục đích là để cảnh giới, ngăn cản ông Đ khi H3 và T giật được tài sản mà ông Đ đuổi theo để giành lại tài sản. Sau khi T cướp giật được chiếc điện thoại của ông Đ, S cùng với Hg trực tiếp mang tài sản cướp giật được đến tiệm điện thoại “Trung Nguyên” tại địa chỉ 33A, tổ 10, khu phố 5, phường AB, thành phố BH của do ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1982 làm chủ bán được số tiền 1.500.000đ, bị cáo được chia số tiền 300.000đ tiêu xài. Bị cáo S là người giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án này nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; tại thời điểm phạm tội các bị cáo chưa thành niên; đã nộp trước số tiền 1.500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà để khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Đình Hoàng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo S và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[9]. Tính đến ngày phạm tội 26/8/2020 và cho đến ngày xét xử 28/11/2021 các bị H, S và T chưa thành niên (dưới 18 tuổi). Vì vậy, áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự để xét xử đối với các bị cáo.

[10]. Đối với Trần Gia H3, sinh ngày 13/01/2007 là đối tượng tích cực tham gia cùng các bị cáo H, T và S thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, tính đến ngày phạm tội 26/8/2020, H3 chưa đủ tuổi trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển Trần Gia H3 cho Công an phường AB xử lý hành chính theo quy định pháp luật.

[11]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Oppo A11 Pro các bị cáo cướp giật của ông Mai Xuân Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: E436 Khu phố 5, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN. Cơ quan điều tra thu hồi và đã trả lại tài sản cho ông Đ.

[12]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Bị hại ông Mai Xuân Đ đã nhận lại chiếc điện thoại di động Oppo A11 Pro bị

cướp giật, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xét

- Theo các bản khai có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H2 có mua chiếc điện thoại Oppo A11 Pro bị cáo H và đồng phạm cướp giật được mang đến bán cho ông H2. Ông H2 không biết điện thoại do phạm tội mà có nên mua điện thoại trên của H với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Ông H2 chỉ yêu cầu một mình bị cáo H bồi thường cho ông số tiền trên.

Do tài sản H, S, T chiếm đoạt bán được số tiền 1.500.000đ cùng chia nhau tiêu xài, khi phạm tội các bị cáo chưa thành niên nên cần buộc các bị cáo H, T, S và người đại diện hợp pháp cho các bị cáo là bà Trần Thị Ngọc L, bà Hồ Thị H1 và bà Dương Thị N1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đình H2. Tuy nhiên, ngày 22/6/2021 các bị cáo H, S và T đã đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà nộp trước số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 003138 để khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Đình H2. Vì vậy, số tiền trên sẽ được đảm bảo thi hành án cho ông H2 theo quy định.

Đối với anh Trần Gia H3 khi phạm tội chưa đủ 14 tuổi, không có tài sản, do số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả nêu trên đủ để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Đình H2 nên HĐXX không buộc anh H3 và đại diện hợp pháp cho anh H3 phải liên đới cùng các bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông H2 theo quy định.

[13]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Tại phiên tòa, ông Lê Quang V và ông Nguyễn Doãn Nh là người bào chữa cho các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho các bị cáo H, S và T do các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, là trẻ em theo Luật trẻ em và quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có ghi nhận nội dung: “Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm”. Vì vậy, căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo H, T và S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Do các bị cáo H, S và T đã nộp trước số tiền 1.500.000đ khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Đình H2 nên các bị cáo H, S, T và đại diện hợp pháp cho các bị cáo bà Trần Thị Ngọc L, bà Hồ Thị H1 và bà Dương Thị N1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[15]. Xét quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H3 và đề nghị của người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, anh H3 tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17, Điều 38; Điều 48; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 (áp dụng đối với bị cáo H); Điều 58; các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 45, 135, 136, 290, 292, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh H 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T và đại diện hợp pháp cho các bị cáo bà Trần Thị Ngọc L, bà Hồ Thị H1 và bà Dương Thị N1 phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H2 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) các bị cáo đã nộp trước tại biên lai số: 003138 ngày 22/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà được đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Đình H2 theo quy định.

4. Về án phí:

- Các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Trần Minh H, Nguyễn Lê S và Phạm Minh T và đại diện hợp pháp cho các bị cáo bà Trần Thị Ngọc L, bà Hồ Thị H1 và bà Dương Thị N1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Trần Minh H, Phạm Minh T; đại diện hợp pháp cho các bị cáo H, T là bà Trần Thị Ngọc L và bà Dương Thị N1; người bào chữa cho các bị cáo ông Lê Quang V và ông Nguyễn Doãn Nh; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Gia H3 là bà Trần Thị Ngọc L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Gia H3 ông Lê Quang V và anh Trần Gia H3 có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Lê S và người đại diện hợp pháp cho bị cáo S là bà Hồ Thị H1; bị hại ông Mai Xuân Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H2 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Biên Hòa;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNV liên quan;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và người đại diện hợp pháp của người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuấn